

UBND TỈNH ĐẮK NÔNG
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày tháng năm 2023

Số: /SLĐTBXH-LĐVL&GDNN
V/v báo cáo tình hình TNLĐ 06 tháng
đầu năm 2023; kết quả triển khai Tháng
hành động về ATVSLĐ năm 2023

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành, Hội đoàn thể tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- Các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện quy định chế độ báo cáo định kỳ về tình hình tai nạn lao động; đánh giá kết quả triển khai Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị các Sở, ban ngành, các Hội đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh báo cáo tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm 2023 và kết quả triển khai Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Cụ thể như sau:

1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp (*gọi chung là người sử dụng lao động*)

- Báo cáo tình hình tai nạn lao động 06 tháng đầu năm 2023 theo mẫu quy định tại **Phụ lục số XII** ban hành kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ;

- Thực hiện tổ chức thu thập, lưu trữ, thống kê công bố thông tin tình hình tai nạn lao động xảy ra tại cơ sở của đơn vị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27/11/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (*báo cáo theo mẫu quy định tại **Phụ lục I** ban hành kèm theo Thông tư 13/2020/TT-BLĐTBXH*);

- Báo cáo kết quả triển khai Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2023 theo **Phụ lục và Mẫu số 1** ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/02/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (*có phụ lục, biểu mẫu kèm theo*).

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 của Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ như sau:

- Tổng hợp báo cáo tai nạn lao động, sự cố kỹ thuật gây mất an toàn vệ sinh lao động nghiêm trọng liên quan đến người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động (lao động trong sản xuất nông nghiệp) xảy ra trên địa bàn địa phương quản lý theo mẫu quy định tại **Phụ lục XVI** ban hành kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ.

- Báo cáo kết quả triển khai Tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2023 trên địa bàn quản lý theo **Phụ lục và Mẫu số 1** ban hành kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/02/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thực hiện tổ chức thu thập, lưu trữ, thống kê công bố thông tin tình hình tai nạn lao động đối với người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động xảy ra trên địa bàn quản lý theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH ngày 27/11/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (*báo cáo theo mẫu quy định tại **Phụ lục II** ban hành kèm theo Thông tư 13/2020/TT-BLĐTBXH*). Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổng hợp, báo cáo kết quả về Sở theo **Phụ lục XVI** ban hành kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP (*có phụ lục, biểu mẫu kèm theo*).

Trường hợp trong kỳ báo cáo, đơn vị không có phát sinh tai nạn lao động thì vẫn phải báo cáo theo đúng mẫu quy định (*ghi đầy đủ thông tin về cơ quan, doanh nghiệp, số lao động trong kỳ báo cáo*).

Báo cáo của các đơn vị, doanh nghiệp gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tỉnh Đắk Nông (thông qua Phòng Lao động - Việc làm và Giáo dục nghề nghiệp) địa chỉ: đường Amajhao, phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông, Điện thoại liên hệ: 02613.544.875 (*mail:lehongsonsltdtbxh@gmail.com*) trước ngày **03/7/2023** để kịp thời tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đối với các doanh nghiệp ngoài báo cáo bằng bản giấy, đề nghị báo cáo qua phần mềm hệ thống an toàn vệ sinh lao động tại địa chỉ <http://atvsld.daknong.gov.vn>, tài liệu hướng dẫn được đăng tải trên địa chỉ mail: atvslddaknong@gmail.com, mật khẩu: 123456789@abc; đề nghị các đơn vị truy cập nghiên cứu, thực hiện báo cáo, khai báo đúng quy định.

Nhận được Công văn này đề nghị các Sở, ban ngành, các Hội đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phối hợp thực hiện; yêu cầu các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Phòng LĐTBXH các huyện, Tp (thực hiện);
- GD, PGD (đ/c Nam);
- Trang TTĐT Sở LĐTBXH;
- Lưu: VT, LĐVL&GDNN (S).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hoàng Việt Nam

| | | | | | | | | | | | | | |
|---|--|--|--|--|--|---|--|---|--|---|--|---|--|
| 1.3. Phân theo nghề nghiệp ⁶ | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | |
| 2. Tai nạn được hưởng trợ cấp theo quy định tại Khoản 2 Điều 39 Luật ATVSLĐ | | | | | | X | | X | | X | | X | |
| 3. Tổng số (3=1+2) | | | | | | | | | | | | | |

II. Thiệt hại do tai nạn lao động

| Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động (kể cả ngày nghỉ chế độ) | Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ) | | | | Thiệt hại tài sản (1.000 đ) |
|--|----------------------------------|----------------------------|------------------------------------|---------------------|-----------------------------|
| | Tổng số | Khoản chi cụ thể của cơ sở | | | |
| | | Y tế | Trả lương trong thời gian Điều trị | Bồi thường /Trợ cấp | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| | | | | | |

ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

¹ Ghi mã số theo Danh Mục đơn vị hành chính do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

² Ghi tên, mã số theo danh Mục và mã số các đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành trong báo cáo thống kê.

³ Ghi tên ngành, mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

⁴ Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động.

⁵ Ghi tên và mã số theo danh Mục yếu tố gây chấn thương.

⁶ Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh Mục nghề nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

PHỤ LỤC XVI

MẪU BÁO CÁO TAI NẠN LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
LÀM VIỆC KHÔNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN
(Kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ)

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG....¹

BÁO CÁO TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TAI NẠN LAO ĐỘNG

Kỳ báo cáo (6 tháng hoặc cả năm) ... năm ...

Ngày báo cáo:

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố²

| Tên chỉ tiêu thống kê | Phân loại TNLD theo mức độ thương tật | | | | | | | | | | |
|------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|------------------------------------|-------------------------|---|----------|---|---------------|---|-------------------------|---|
| | Số vụ (Vụ) | | | Số người bị nạn (Người) | | | | | | | |
| | Tổng số | Số vụ có người chết | Số vụ có từ 2 người bị nạn trở lên | Tổng số | | Số LĐ nữ | | Số người chết | | Số người bị thương nặng | |
| | | | | Tổng số | Số xảy ra tại nơi thuộc phạm vi quản lý người sử dụng lao động ⁴ | Tổng số | Số xảy ra tại nơi thuộc phạm vi quản lý người sử dụng lao động ⁴ | Tổng số | Số xảy ra tại nơi thuộc phạm vi quản lý người sử dụng lao động ⁴ | Tổng số | Số xảy ra tại nơi thuộc phạm vi quản lý người sử dụng lao động ⁴ |
| Phân theo nghề nghiệp ³ | | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | | | | |
| ... | | | | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | | | | |

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

¹ Trường hợp Ủy ban nhân dân huyện/quận báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thì ghi tên Ủy ban nhân dân huyện/quận.

² Trường hợp Ủy ban nhân dân huyện/quận báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thì ghi tên Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

³ Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh Mục nghề nghiệp do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

⁴ Số người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động bị tai nạn lao động tại nơi làm việc của người sử dụng lao động trên địa bàn.

PHỤ LỤC I
MẪU SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG CẤP CƠ SỞ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH
ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG NĂM

- Tên doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức (sau đây gọi chung là cơ sở):
- Cơ quan quản lý cấp trên: - Lĩnh vực sản xuất chính của cơ sở¹:
- Thuộc loại hình cơ sở²: Mã loại hình cơ sở: □□□□
- Tổng số lao động bình quân trong năm: người; trong đó nữ: người
- Tổng quỹ lương:triệu đồng

| TT | Họ và tên | Mã số bảo hiểm xã hội | Giới tính | Năm sinh | Nghề nghiệp ³ | Tuổi nghề (năm) | Mức lương (1.000đ) | Trình độ | Bậc thợ | Loại hợp đồng lao động ⁴ | Nơi làm việc ⁵ (tổ/ đội/ phân xưởng/ phòng/ ban) | Nơi xảy ra tai nạn lao động | Ngày, Giờ, Số giờ đã làm việc trong ca, ngày làm việc cho đến khi tai nạn xảy ra | Yếu tố gây chấn thương ⁶ | Loại chấn thương ⁷ | Đã huấn luyện ATVSLĐ | Nguyên nhân gây ra lao động ⁸ | Tình trạng thương tích | | | Thiệt hại | | | | | Ghi chú | | | |
|---------|-----------|-----------------------|-----------|----------|--------------------------|-----------------|--------------------|----------|---------|-------------------------------------|---|-----------------------------|--|-------------------------------------|-------------------------------|----------------------|--|------------------------|-----------|-----|--|----------------------------------|------------------|------------------------------------|----------------------|---------|----------------------------|--------------|--|
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | Chết | Bị thương | | Tổng số ngày nghỉ vì tai nạn lao động ⁹ | Chi phí tính bằng tiền (1.000 đ) | | | | | Thiệt hại tài sản (1.000đ) | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Nặng | Nhẹ | | Tổng số | Khoản chi cụ thể | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Y tế | Trả lương trong thời gian điều trị | Bồi thường / Trợ cấp | | | Chi phí khác | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 13 | 16 | 17 | 18 | 19 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | |
| 2 | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng số | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:

¹ Ghi tên, ngành, mã ngành theo Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành theo quy định của Luật Thống kê.

² Ghi tên, mã số theo danh mục và mã số các đơn vị kinh tế, hành chính sự nghiệp theo quy định pháp luật hiện hành trong báo cáo thống kê, thống nhất ghi cấp 1.

- ³ Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo Luật Thống kê, thống nhất ghi cấp 3.
- ⁴ Ghi có hợp đồng lao động (ghi rõ: không xác định thời hạn; xác định thời hạn; theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định thời hạn dưới 12 tháng) hoặc không có hợp đồng lao động.
- ⁵ Ghi theo cơ cấu tổ chức của đơn vị (không phải là vị trí làm việc).
- ⁶ Ghi tên và mã số của 01 yếu tố chính gây chấn thương trong danh mục các yếu tố gây chấn thương quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.
- ⁷ Ghi theo danh mục các chấn thương đã xác định loại tai nạn lao động nặng ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.
- ⁸ Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động theo nguyên nhân tại biên bản điều tra tai nạn lao động.
- ⁹ Tất cả những vụ tai nạn lao động làm cho người lao động thuộc quyền quản lý phải nghỉ làm việc từ một ngày trở lên đều phải được thống kê để báo cáo tai nạn lao động.

PHỤ LỤC II**MẪU SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC
KHÔNG THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN***(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BLĐTBXH
ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)***ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN....**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

SỔ THỐNG KÊ TAI NẠN LAO ĐỘNG NĂM.....

| TT | Tên người bị tai nạn | Giới tính | Năm sinh | Nghề nghiệp | Nơi cư trú | Thông tin vụ tai nạn lao động | | | | | | | Ghi chú |
|----------|----------------------|-----------|----------|-------------|------------|-------------------------------|--------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------|---|--|---------|
| | | | | | | Ngày, giờ xảy ra tai nạn | Nơi xảy ra tai nạn | Tình trạng nạn nhân (chết, bị thương) | Yếu tố gây chấn thương ² | Loại chấn thương ³ | Nguyên nhân gây tai nạn lao động ⁴ | Thiệt hại về tài sản (nếu có, đơn vị tính: 1.000 đồng) | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 |
| 2 | | | | | | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | | | | | | |
| Tổng số: | | | | | | | | | | | | | |

Ghi chú:¹ Ghi tên và mã số nghề nghiệp theo danh mục nghề nghiệp do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo Luật Thống kê, thống nhất ghi cấp 3.² Ghi tên và mã số của 01 yếu tố chính gây chấn thương trong danh mục các yếu tố gây chấn thương quy định tại Phụ lục IV Thông tư này.³ Ghi theo danh mục các chấn thương để xác định loại tai nạn lao động nặng ban hành kèm theo Phụ lục II Nghị định số 39/2016/NĐ-CP.⁴ Ghi 01 nguyên nhân chính gây tai nạn lao động theo nguyên nhân tại biên bản điều tra tai nạn lao động.

PHỤ LỤC
BÁO CÁO TỔNG KẾT THÁNG HÀNH ĐỘNG VỀ AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG
(Kèm theo Thông tư số 02/2017/TT-BLĐTBXH
ngày 20/02/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

I. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THÁNG HÀNH ĐỘNG

1. Công tác chỉ đạo, ban hành kế hoạch triển khai, kiểm tra, đôn đốc thực hiện.
2. Lễ phát động Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động (nếu có).
3. Nội dung các hoạt động đã triển khai trong Tháng hành động
4. Kinh phí tổ chức Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động
 - Ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của cơ sở sản xuất kinh doanh
 - Ngân sách hỗ trợ, vận động từ doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác (nếu có)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đã đạt được; bài học kinh nghiệm
2. Khó khăn, tồn tại
3. Kiến nghị, đề xuất
4. Bảng tổng hợp số liệu các hoạt động tổ chức Tháng hành động (thống kê theo *Mẫu số 1 kèm theo*).

Mẫu số 1
BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU KẾT QUẢ TỔ CHỨC THÁNG HÀNH ĐỘNG
(Kèm theo báo cáo kết quả tổ chức Tháng hành động về an toàn, vệ sinh lao động)

| STT | Các hoạt động | Đơn vị | Số lượng | Ghi chú |
|-----|--|------------------------|----------|---------|
| 1 | Các lớp tập huấn, huấn luyện trong Quý II năm..... hưởng ứng Tháng hành động | lớp | | |
| | Tổng số người được huấn luyện, trong đó: | người | | |
| | Huấn luyện cho người quản lý phụ trách công tác an toàn, vệ sinh lao động (nhóm 1) | người | | |
| | Huấn luyện người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động (nhóm 2) | người | | |
| | Huấn luyện cho người lao động làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (nhóm 3) | người | | |
| | Huấn luyện cho nhóm 4 - người lao động | người | | |
| | Huấn luyện cho người làm công tác y tế (nhóm 5) | người | | |
| | Huấn luyện cho an toàn, vệ sinh viên (nhóm 6) | người | | |
| | Huấn luyện cho người lao động làm việc không theo hợp đồng lao động (nếu có) | Người | | |
| 2 | Tổ chức tọa đàm, phóng sự, tin, bài đưa tin trên truyền hình, báo chí | Tin, bài/ cuộc | | |
| 3 | Ấn phẩm thông tin (Sách, báo, tờ rơi, tranh áp phích) | quyển/ tờ | | |
| 4 | Phát động, triển khai các chiến dịch, phong trào thi đua về ATVSLĐ | phong trào/ chiến dịch | | |
| | Số tập thể/ cá nhân tham gia | Tập thể/ cá nhân | | |
| 5 | Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động | cuộc thi | | |
| | Số lượng người tham gia | Người | | |

| | | | | |
|----|--|--------------------|--|---------|
| 6 | Tổ chức thi an toàn vệ sinh viên giỏi | cuộc thi | | |
| | Số lượng người tham gia | người | | |
| 7 | Số cuộc thanh tra, kiểm tra liên ngành và từng ngành về an toàn, vệ sinh lao động được tổ chức trong Quý II. | Cuộc | | |
| | Số doanh nghiệp, cơ sở được thanh tra, kiểm tra | Cơ sở | | |
| | Số vi phạm được phát hiện | Vi phạm | | |
| 8 | Tự kiểm tra về ATVSLĐ; rà soát phát hiện các nguy cơ rủi ro, bổ sung các nội quy, quy trình làm việc an toàn. | | | |
| | Các nguy cơ, rủi ro được phát hiện | Nguy cơ | | |
| | Các nội quy, quy trình làm việc an toàn được xây dựng, bổ sung | Nội quy/ quy trình | | |
| 9 | Quan trắc môi trường lao động | | | |
| | Số cơ sở sản xuất thực hiện quan trắc môi trường lao động | Cơ sở | | |
| | Số cuộc thực hiện quan trắc môi trường lao động (đối với cơ sở sản xuất) | Số cuộc | | |
| 10 | Tổ chức khám sức khỏe cho người lao động (Quý II năm) | cuộc | | |
| | Tổng số người được khám | người | | |
| 11 | Số cơ sở sản xuất tổ chức Lễ phát động hưởng ứng Tháng hành động | cuộc | | |
| 12 | Thăm gia đình nạn nhân, người bị nạn | Nạn nhân/gia đình | | |
| 13 | Tổ chức hội thảo/hội nghị | cuộc | | |
| 14 | Khen thưởng về an toàn, vệ sinh lao động: | | | |
| | Tập thể | | | |
| | Cá nhân | | | |
| 15 | Số vụ tai nạn xảy ra trong Quý II | vụ | | % tăng, |

| | | | | |
|-----------|---|-------|--|---|
| | Trong đó: | | | <i>giảm so với cùng kỳ Quý II năm trước</i> |
| | Tổng số người bị tai nạn | người | | |
| | Số người chết | người | | |
| | Số người bị thương nặng | người | | |
| 16 | Kinh phí | | | |
| | Ngân sách nhà nước/ hoặc kinh phí của cơ sở sản xuất kinh doanh | đồng | | |
| | Kinh phí hỗ trợ, huy động từ các nguồn hợp pháp khác (nếu có) | đồng | | |
| 17 | Các nội dung khác (nếu có) | | | |